TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: **12/7/2019**
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Đấu.

2. Ông Nguyễn Phước Lộc.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Ngọc Chí - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22/5/2018 về việc:*"Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1987. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Cây Thông Trong, xã Cửa Dương, huyện P, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Long A, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn An Thới, huyện P, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:

Năm 2017, tôi và anh Nguyễn Long A tự nguyện tìm hiểu chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2017 tại UBND thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc.

Sau khi về chung sống được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh A thường tụ tập bạn bè ăn nhậu, chửi mắng tôi bằng những lời lẽ khó nghe, hành hung đánh đập tôi và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay tôi xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể nào chung sống với anh A được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh A.

Về con chung: Tôi và anh A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi xác nhận không có nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Long A: Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương trực tiếp đến nơi cư trú của anh A để tống đạt các thông báo, giấy triệu tập và quyết định của Tòa án. Mặc dù anh A có mặt tại địa phương nhưng vẫn cố tình lánh mặt. Do đó, Tòa án không thể lấy lời khai của anh A cũng như không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Khi vụ án được đưa ra xét xử ngày 25/6/2019 do anh A vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, đồng thời niêm yết theo thủ tục luật định Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ngày hôm nay anh A vẫn vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 28, 35, 68, 97, 196 BLTTDS như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử đề nghị rút kinh nghiệm. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục do BLTTDS quy định.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Tại phiên tòa chị Thắm có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với khoản 1 Điều 228 BLTTDS cần chấp nhận. Riêng bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay anh A vắng mặt hai lần không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn với anh Long A.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

XÉT THẤY

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, đây là vụ án "Xin ly hôn" theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn anh Nguyễn Long A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn chị Đoàn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh A và chị T.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2017, chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Long A tự nguyện tìm hiểu chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2017 tại UBND thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc. Sau khi cưới vài tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh A thường hay uống rượu, chửi mắng, đánh đập chị. Hiện hai người không còn chung sống với nhau và cho rằng không còn tình cảm, không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với anh A nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu đương sự nhận thấy:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh A được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị T thì vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được vài tháng, sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên hai người không còn chung sống với nhau.

Qua xác minh đối với bà Trần Thị Lang là mẹ ruột của anh A ngày 09/5/2019 (Bút lục 52) được biết anh A và chị T chung sống vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên cải nhau và đã ly thân gần một năm nay. Giữa hai người không có con chung, không có tài sản chung và công nợ chung.

Như vậy, mâu thuẫn giữa hai người hiện nay đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn, nếu có kéo dài thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của chị T là chính đáng. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, cho chị T được ly hôn với anh A.

[4] Về con chung: Chị T xác nhận không có con chung với anh A, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Long A.

2. Về con chung: Chị Đoàn Thị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị T đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003144, ngày 18/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nay chuyển thành án phí. Như vậy, chị T đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Trang